ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1633 /QĐ-UBND	*Xuân Định, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường Bảo Liệt, ấp Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN ĐỊNH

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách phường, xã (đợt 1/2026) để thực hiện Đề án Duy tu, sửa chữa, đảm bảo hạ tầng giao thông, kiến thiết thị chính tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2025 –2027 tại Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Công văn số 1663/UBND-KT ngày 23/3/2026 của UBND xã về việc tổ chức duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường giao thông, hệ thống chiếu sáng và hệ thống đèn tín hiệu giao thông thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn xã năm 2026.

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Xuân Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa Đường Bảo Liệt, ấp Hòa Bình;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường Bảo Liệt, ấp Hòa Bình do Công ty TNHH Tư vấn Công nghệ Xây dựng Gia Khánh lập ngày 21/8/2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 29/2026/BCTT-NA ngày 25/8/2026 của Công ty TNHH TV TK XD Nhân Anh về việc thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường Bảo Liệt, ấp Hoà Bình;

Căn cứ Văn bản số 09/TTĐ ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Tổ thẩm định thành lập theo Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Xuân Định về việc kiện toàn Tổ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án và nhiệm vụ thường xuyên do Phòng Kinh tế làm Chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 348/TTr-PKT ngày 08/9/2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường Bảo Liệt, ấp Hoà Bình .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường Bảo Liệt, ấp Hoà Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Đường Bảo Liệt, ấp Hoà Bình .

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình đường bộ, cấp IV.

3. Mã định danh: Không

4. Địa điểm xây dựng: Ấp Bảo Hòa, xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai. Đầu tuyến từ QL1 (gần thửa đất số 155, tờ bản đồ số 38) Km 00 đến Km 0 + 820.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Xuân Định.

6. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Xuân Định.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Công nghệ Xây dựng Gia Khánh.

8. Mục tiêu dự án: Nhằm khắc phục các hư hỏng như ổ gà, nứt nẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia giao thông; tăng cường khả năng chịu tải, kéo dài tuổi thọ cho công trình; góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông thông suốt, thúc đẩy giao thương và phát triển kinh tế - xã hội.

9. Quy mô đầu tư chủ yếu:

9.1. Quy mô dự án

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Cấp kỹ thuật: Cấp C.

9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

**Thiết kế bình đồ tuyến:*

- Bình đồ được thiết kế bám theo hiện trạng.

- Tuyến thiết kế bám theo hiện trạng đường cũ, không nắn chỉnh tuyến.

- Điểm đầu: Giao với Quốc lộ 1A.

- Điểm cuối: Giao với đường BTXM hiện hữu.

- Tổng chiều dài tuyến thiết kế L=820m.

** Trắc dọc tuyến:*

Trắc dọc tuyến thiết kế được dựa vào các điểm cao độ khống chế đầu và cuối dự án; các điểm giao với đường hiện hữu.

Trắc dọc tuyến được thiết kế tương đối thoải tạo êm thuận cho các phương tiện tham gia giao thông trong quá trình khai thác, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy trình hiện hành và đảm bảo khối lượng bù vênh thấp nhất.

** Thiết kế trắc ngang:*

- Trắc ngang tuyến được thiết kế bám theo mặt trắc ngang hiện trạng. Mặt cắt ngang tuyến thiết kế như sau:

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+080:

+ Mặt đường BTN rộng: 3m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

+ Nền đường rộng: 3m.

- Đoạn từ Km0+80 đến Km0+447,16:

+ Mặt đường BTN rộng: 3m.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

+ Lề đường BTXM: 0,5m x 2 bên.

+ Độ dốc ngang lề đường: 4%.

+ Nền đường rộng : 4m.

- Đoạn từ Km0+447,16 đến Km0+820,0 (cuối tuyến): nền, mặt đường hiện hữu giữ nguyên, chỉ bổ sung biển báo.

9.3. Thiết kế kết cấu áo đường

- Căn cứ vào hiện trạng tuyến đường và kết quả khảo sát, đánh giá nền mặt đường hiện hữu, kết cấu mặt đường thiết kế như sau:

+ Mặt đường bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.

+ Bù vênh bê tông nhựa C12,5;

+ Tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2;

+ Vệ sinh mặt đường cũ;

- Kết cấu vuốt nối, mở rộng:

+ Mặt đường bê tông nhựa C12,5 dày 5cm.

+ Tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m^2;

+ Vệ sinh mặt đường cũ;

- Lề đường:

+ Lớp BTXM đá 1x2 M200, dày 5cm;

+ Lề cũ dọn dẹp vệ sinh, lu lèn độ chặt K≥0,95.

- Hệ thống ATGT

+ Lắp đặt bổ sung các biển báo hiệu giao thông đường bộ theo QCVN 41 :2024/BGTVT đoạn đường BTXM từ Km0+447,16 đến Km0+820 có đủ bề rộng lề đường để lắp đặt biển báo.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
I	**Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát**	
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
II	**Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế**	
1	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô (tham khảo)	TCVN 4054-2005
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
III	**Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu**	
1	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
2	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567:2022
3	Nhũ tương nhựa đường axit – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8817-1÷15 :2011
4	Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử (Phần 1-5)	TCVN 8818-1:2011 ÷ TCVN 8818-5:2011

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
5	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
6	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
7	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác hiện hành.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **760.957.702 đồng** (*Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm lẻ hai đồng). Trong đó:*

- Chi phí xây dựng: 602.205.243 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 17.818.676 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 85.639.827 đồng
- Chi phí khác: 6.090.392 đồng
- Chi phí dự phòng: 49.203.564 đồng

(Chi tiết phụ lục kèm theo).

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Nguồn sự nghiệp kinh tế (thành phố bổ sung có mục tiêu).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

16. Các nội dung khác:

** Yêu cầu đối với Chủ đầu tư:*

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ tài liệu và các nội dung do mình đề xuất trong dự án.

- Trong quá trình thực hiện dự án, phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ, an toàn điện, vệ sinh môi trường, hiệu quả đầu tư và tiến độ giải ngân.

- Trước khi tổ chức đấu thầu rà soát, cập nhật lại dự toán tại thời điểm thực hiện (nếu cần thiết) để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả ngân sách;

- Khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình tuân thủ quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm: Tiếp tục hoàn tất các bước tiếp theo để chuẩn bị triển khai thực hiện công trình. Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT.ĐU; TT.HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Chánh, PVP HĐND và UBND xã;
- Tổ thẩm định;
- Lưu: VT, ĐT (Thụ).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ XUÂN ĐỊNH T.P LONG KHÁNH T. ĐỒNG NAI

Lê Thị Hiệp

PHỤ LỤC

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Đường Bảo Liệt, ấp Hoà Bình

(Kèm theo Quyết định số 1633 /QĐ-UBND ngày 08/9/2026 của UBND xã Xuân Định)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CHI PHÍ SAU THUẾ
I	**Chi phí xây dựng:**	**602.205.243**
II	**Chi phí quản lý dự án:**	**17.818.676**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:**	**85.639.827**
1	- Chi phí khảo sát địa hình	29.428.995
2	- Chi phí giám sát khảo sát địa hình	1.198.349
3	- Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	31.819.064
4	- Chi phí thẩm tra thiết kế	2.160.000
5	- Chi phí thẩm tra dự toán	2.160.000
6	- Chi phí giám sát thi công xây dựng	18.873.419
IV	**Chi phí khác:**	**6.090.392**
1	- Phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật	500.000
2	- Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng	1.533.393
3	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	4.056.999
V	**Chi phí dự phòng:**	**49.203.564**
1	- Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng	35.587.707
2	- Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	13.615.857
	Tổng cộng	**760.957.702**